

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TAM BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-09-2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14/05/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐ-HNGĐ, ngày 19/08/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1998 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Lê Hoài A**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Thanh D**, sinh năm 1968 (xin vắng)

Bà **Lưu Thị Kiều O**, sinh năm 1972 (xin vắng)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Bà **Châu Thị Ngọc H**, sinh năm 1977 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/04/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Lê Thị Bích T** trình bày:

Vào năm 2022 qua mai mối quen biết nên chị và anh Lê Hoài A có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2022 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị về nhà mẹ ruột chị ở ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long sống cho đến nay. Từ lúc ly thân vợ chồng không đoàn tụ được, không liên lạc gì với nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoài A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh D, bà Lưu Thị Kiều O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc ly hôn giữa chị T và anh A thì ông bà không có ý kiến. Về con chung: Chị T và anh A là không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Ngọc H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Việc ly hôn giữa chị T và anh A thì chị không có ý kiến. Về con chung: Chị T và anh A là không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Hoài A vắng mặt nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/07/2024, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài A. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/07/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh D, bà Lưu Thị Kiều O trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Việc ly hôn giữa chị T và anh A thì ông bà không có ý kiến. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông bà thống nhất.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/07/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Ngọc H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Việc ly hôn giữa chị T và anh A thì bà không có ý kiến. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Hoài A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn”; bị đơn anh Lê Hoài A, cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, thông qua cha mẹ ruột của bị đơn là ông Lê Thanh D, bà Lưu Thị Kiều O trình bày là bị đơn đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, nhưng không cung cấp địa chỉ, không cung cấp thời gian đi, hiện tại ông bà và anh A vẫn liên lạc được với nhau. Ông bà có thông báo cho anh A biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của Tòa án. Do đó đây là trường hợp

bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo và cung cấp những tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh A qua mai mối, quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 25/10/2022 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Lê Thị Bích T trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị về nhà mẹ ruột chị ở ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long sống cho đến nay. Từ lúc ly thân vợ chồng không đoàn tụ được, không liên lạc gì với nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoài A.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị T, anh A đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung:* Chị Lê Thị Bích T khai không có, anh Lê Hoài A cũng chưa có bất cứ văn bản nào trình bày về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Lê Thị Bích T khai không có, anh Lê Hoài A cũng chưa có bất cứ văn bản nào trình bày về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Hoài A.

[2]. *Về con chung*: Không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Lê Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_o 0014144 ngày 14/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Lê Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Tường Lộc, huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo